TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 29-6-2022.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Phan Thành Phước**.
+ Ông **Nguyễn Thanh Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **La Phạm Ngọc T** - Sinh năm: 1996, địa chỉ: Ấp T, xã U, thị xã V, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh P** - Sinh năm: 1992; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị La Phạm Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh P có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Chị và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được nên chị T yêu cầu ly hôn với P.

Về con chung: Chị và anh P có một người con chung là: Nguyễn Ngọc Minh C - Sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015, hiện đang sống chung với chị nên khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày là không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh P vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị La Phạm Ngọc T và anh Nguyễn Thanh P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Chị La Phạm Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

(2) Về con chung: Giao cho chị La Phạm Ngọc T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Nguyễn Thanh P là: Nguyễn Ngọc

Minh C - Sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015 (hiện đang sống chung với chị T), anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

(3) Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

(4) Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với anh P có địa chỉ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh P vắng mặt tại các phiên hòa giải ngày 07 tháng 3 năm 2022, ngày 28 tháng 3 năm 2022 và ngày 11 tháng 5 năm 2022 đồng thời chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Chị T và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2016, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của chị T, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa chị T và anh P có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Đồng thời anh P cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh P đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi người con chung giữa chị với anh P là Nguyễn Ngọc Minh C - Sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu về việc nuôi con, trong khi đó Nguyễn Ngọc Minh C đang sống chung với chị T và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị T khi cha mẹ (chị T, anh P) ly hôn nên giao cho chị T tiếp tục nuôi Nguyễn Ngọc Minh C là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; anh P vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Phạm Ngọc T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị La Phạm Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2/ Về con chung:

Chị La Phạm Ngọc T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Nguyễn Thanh P là: Nguyễn Ngọc Minh C - Sinh ngày 16 tháng

02 năm 2015 (hiện đang sống chung với chị T) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh P có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh P lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

Vì lợi ích của con chung, chị T, anh P hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị La Phạm Ngọc T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004944 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị La Phạm Ngọc T, anh Nguyễn Thanh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên